

SỐ 1602

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

Tác giả: Bồ Tát Vô Trước.

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Tráng Đời Đường.

QUYỂN 1

PHẨM 1: THÂU NHIẾP SỰ (Phần 1)

Thiện Thệ khéo nói ba thân mâu,
Chứng giáo pháp, không sợ, không trôi.
Đức Mâu-ni thượng thừa chân thật,
Nay con chí thành trước lễ tán,
Cúi đầu lạy, bậc Đại Từ Tôn,
Bậc Vua pháp nối tiếp giống trí,
Đời không chỗ nương, quay về.
Giảng nói luận Du-già sư địa,
Xưa, con Vô Trước nghe từ Ngài,
Nay góp lời quan trọng của luận,
Làm sáng rõ Thánh giáo, từ bi,
Văn gọn, nghĩa khắp nhưng dễ hiểu.
Nhiếp sự, nghĩa tịnh thành khéo léo
Vô thường, khổ không và vô tánh,
Hiện quán Du-già không nghĩ bàn,
Nhiếp thẳng chọn thành mười một phẩm.
Tất cả cõi tạo nhiễm,
Đế nương dựa phần giác,
Quả Bồ-đặc-già-la,

Các công đức chín việc.

Luận chép: Chữ tất cả là chỉ cho năm pháp, nhiếp chung tạng Bồ-tát. Năm pháp ấy là? Tụng rằng:

*Tâm, tâm sở hữu, sắc,
Bất tương ưng, vô vi.*

Luận chép: Tâm là tên gọi chỉ sự khác nhau giữa tâm, ý, thức. Hỏi: Thức là gì?

Đáp: Thức có tám thứ là: Thức A-lại-da, nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân thức, ý và ý thức.

Thức A-lại-da là gì. Chủng tánh của nó là sự chứa nhóm và huân tập bằng những hý luận từ vô thủy đến ngày nay, từ đó là duyên cho nghiệp phiền não đã làm từ đời trước, cứ tăng lớn thêm. Tự thể của nó là tất cả hạt giống nơi thức dị thực đã phát sinh. Thức dị thực này có khả năng giữ gìn và thọ nhận phân biệt rõ sắc căn, làm chỗ nương cho căn và những hý luận được huân tập. Đối với tất cả thời gian sinh diệt của một loại, không thể biết được, và thức này có thể duy trì, phân biệt rõ khí thế giới bên ngoài với cảm thọ không khổ, không vui, v.v... đều hoàn toàn tương ứng với tính chất vô phú, vô ky, làm chỗ nương gốc cho chuyển thức, cùng làm tăng trưởng thêm nhiễm hữu ở chuyển thức, v.v... làm nghiệp, lại có thể làm suy giảm thanh tịnh chuyển thức, v.v... làm nghiệp.

Làm sao biết có thức ấy?

Như Đức Bạc-già-phạm nói: “Vì bị vô minh che lấp, ái kiết buộc chặt, nên kẻ ngu mới chiêu cảm được có thân có thức này”.

Lời Phật vừa nói ấy, đã làm sáng tỏ có thức A-lại-da dị thực.

Lại nói: Như năm hạt giống, đó gọi là thức Hữu thủ. Lời nói ấy hiển bày: Có tất cả hạt giống thức A-lại-da.

Lại nói: Thức A-đà-na thật sâu kín nhỏ nhiệm, tất cả hạt giống trong ấy biến chuyển không ngừng như dòng thác đổ. Ta không nói cho phàm ngu nghe về nó, vì e họ sẽ phân biệt chấp là ngã.

Nhãn thức: Thức này được phát sinh từ hạt giống của thức A-lại-da. Dựa vào nhãn căn mà nhãn thức và thức A-lại-da cùng lúc chuyển biến. Tính chất của nó là biết một cách sáng tỏ khi bám vào cảnh giới sắc.

Như Đức Bạc-già-phạm nói: Phạm vi của nội nhãn không làm hư phạm vi của sắc bên ngoài lúc hiện tiền và nội nhãn đã sinh ra tác ý, ngay lúc phát sinh như vậy thì nhãn thức được sinh ra.

Lại nói: Nhãn thức phát sinh là nhờ duyên vào nhãn cầu và sắc.

Cũng thế nên biết: cho đến thân thức, trong đó có chỗ khác nhau là các thức đều nương vào căn và đều duyên vào cảnh của nó, đều rõ biết riêng. Tất cả hiện tượng này đều được dẫn giải ở hai bộ kinh trước.

Ý sinh ra từ hạt giống của thức A-lại-da, rồi lại bám vào thức A-lại-da, tương ứng với ngã si, ngã ái, chấp ngã, ngã sở, ngã mạn, hoặc không tương ứng với thức A-lại-da, lúc nào cũng nương cậy vào A-lại-da để khởi hiện hành, hoặc có khi cùng thức A-lại-da biến chuyển bình đẳng, phân biệt nhận biết rõ ràng.

Như Đức Bạc-già-phạm nói: “Phạm vi của ý bên trong, không làm hư phạm vi của pháp bên ngoài. Giờ phút hiện tiền và nội ý phát sinh tác ý, ngay lúc phát sinh như vậy thì ý thức sinh ra”.

Ý thức: Được sinh ra từ hạt giống A-lại-da, nương vào ý căn và chuyển biến cùng lúc với thức A-lại-da, duyên vào tất cả pháp chung và không chung làm cảnh rõ biết là tánh.

Pháp tâm sở hữu là: Nếu các pháp đều phát sinh từ hạt giống thức A-lại-da, thì chúng nương vào tâm sở mà hiện khởi và biến chuyển tương ứng với tâm.

Kia lại nói vì sao? Biến hành có năm là: Tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư.

Biệt cảnh có năm là: Dục, thắng giải, niệm, Đăng trì, tuệ.

Thiện

có mười một là: Tín, tầm, quý, vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, khinh an, không buông lung, xả, bất hại.

Phiền não có sáu thứ là: Tham, sân, mạn, vô minh, kiến, nghi. Tùy phiền não có hai mươi là: Phẫn, hận, phú, nã, tật, san, cuống,

siểm, hại, kiêu, vô tầm, vô quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, biếng nhác, buông lung, thất niệm, tâm loạn, bất chánh tri.

Bất định có bốn thứ là: ác tác, thù miên, tầm, tứ.

Tác ý: Là từ hạt giống thức A-lại-da sinh ra, nương vào tâm sở khởi lên, biến chuyển tương ứng với tâm. Thể nó là tâm động, dẫn tâm làm nghiệp, do đó, cùng tâm đồng duyên một cảnh nên nói là hòa hợp, chứ chẳng phải không hòa hợp. Như trong kinh nói: Tác ý xảy ra ở đâu thì ở đó có sự phân biệt. Nơi nào có sự phân biệt thì nơi đó có tác ý. Vì vậy, hai tâm này thường hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Hai pháp này không thể lập ra sự chia riêng khác lạ.

Lại nói như vậy: Hoạt động của tâm và tâm pháp không thể nghĩ bàn. Lại nói: Do đã phát sinh tác ý, chính thức dấy khởi như vậy, mà các thức như nhãn thức,,v.v... được sinh.

Xúc: Là ba sự kiện hòa hợp, phân biệt làm thể, nghiệp là cảm nhận và nường. Như kinh nói có sáu xúc thân. Lại nói: Mắt và sắc làm duyên để nhãn thức phát khởi. Vì ba pháp ấy nhóm hợp hòa hợp nên có chỗ tiếp xúc, từ xúc mà thọ có duyên phát sinh.

Thọ: Tự thể lãnh nhận, nghiệp là duyên vào ái. Như kinh nói: Có sáu thọ thân. Lại nói thọ làm duyên cho ái phát sinh.

Tưởng: Là “danh cú văn, thân” huân tập làm duyên, được sinh ra từ hạt giống thức A-lại-da nường vào tâm sở khởi lên, cùng biến chuyển tương ứng với tâm, thể là tương ứng, nắm bắt hành tướng, nghiệp là phát ra lời nói, sự luận bàn. Như kinh nói có sáu tưởng thân. Lại nói: Như khi nghĩ tới chuyện gì thì mới phát ra lời nói và bàn luận.

Tư: Là khiến cho tâm tạo tác chỗ được, mất và câu phi (chẳng phải được, chẳng phải mất), ý nghiệp làm thể. Hoặc đi với ý, hoặc là đi riêng, hoặc theo sát với ý, hoặc vì tham ái, hoặc vì sân hận, hay bị xả bỏ, hoặc khởi lên sự tìm xét, hoặc khởi lên hai nghiệp là ngữ và thân, hoặc bị ô nhiễm hay hành động thanh tịnh, hoặc lấy thiện, bất thiện, không thiện ác làm nghiệp. Như kinh nói: Có sáu tư thân. Lại nói: Nên biết là ta nói hôm nay, sáu nơi tiếp xúc, chính là nghiệp mà tư đã tạo ra từ đời trước.

Biệt cảnh có năm thứ là:

1. Dục (mong muốn): Là đối với cảnh mà mình ưa thích, thể nó là hy vọng, siêng năng nường dựa làm nghiệp. Như kinh nói: Dục là căn bản của tất cả các pháp.

2. Thắng giải: Là sự quyết định đối với cảnh mình ưng ý, thể là hiểu biết một cách chắc chắn, nghiệp là sự cương quyết không thay đổi. Như kinh nói: Hôm nay, tâm chúng ta phát sinh thắng giải, nên ta biết sáu xứ nội chắc chắn là vô ngã.

3. Niệm (nhớ nghĩ): Là tâm ghi nhớ rõ cảnh đã quá quen. Thể là không quên, nghiệp là làm chỗ nường cho định. Như kinh nói: Các niệm theo niệm, nhớ hoài không quên, không mất pháp nào. Tính là tâm ghi nhớ một cách sáng tỏ.

4. Đẳng trì (Định): Thể là chuyên tâm duyên vào một cảnh của đối tượng được quán chiếu ấy với tâm không tán loạn. Nghiệp làm chỗ nường cho trí tuệ. Như kinh nói: Các người hãy khiến cho tâm mình an trụ trong bình đẳng, trụ yên, trụ gần và trụ ngay trong định, không loạn động, không tan mất. Tâm được thu nhiếp trong vắng lặng, ngưng dứt, giữ mãi tâm định duyên vào một cảnh duy nhất.

5. Tuệ: Thể là sự lựa chọn đối với cảnh mình đang quán chiếu. Nghiệp là vào trọn trong điều mình hiểu biết về cái gì đúng lý, không

đúng lý, không phải như lý và chẳng phải không như lý. Như kinh nói: Lựa chọn các pháp, phương pháp lựa chọn thực đơn giản dễ hiểu từ xa đến gần, thông minh quán xét với trí sáng, giác ngộ tuệ hành Tỳ-bát-xá-na.

Tâm sở thiện có mười một pháp là:

1. Tín (tin): Đối với những gì có thể, có đức, có khả năng, có tâm thanh tịnh, chịu đựng làm thể. Nghiệp là cắt đứt chướng ngại của tâm không tin tưởng, làm tư lương đầy đủ cho sự giác ngộ, đem lợi ích cho mình và người, là năng lực hướng đến đường lành, là làm thêm lớn tâm thanh tịnh. Như kinh nói: Có lòng tin vững chắc đối với Như lai.

2. Tàm (Hổ): Biết làm cho mình và pháp có giá trị thêm lên. Thể là xấu hổ đối với tội lỗi, nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm không biết xấu hổ, là làm cho sự biết về xấu hổ thêm lớn, như kinh nói là xấu hổ các việc đáng xấu hổ, cho đến nói rộng.

3. Quý (Thẹn): Y theo tăng thượng của thế gian, thể là xấu hổ đối với tội lỗi. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm không biết thẹn, là làm cho sự biết về hổ thẹn, thêm lớn như nói trước. Như kinh nói: Hổ thẹn cái đáng hổ thẹn, cho đến nói rộng.

4. Vô tham (không tham): Thể là đối với cái có, có đầy đủ thì nhàm lìa không nắm giữ, không cất giấu, không yêu quý, không mê đắm. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm tham, làm cho sự hiểu biết về không tham thêm lớn như trước đã nêu. Như kinh nói: gốc lành vô tham.

5. Vô sân (không giận): Thể là tâm thương xót không làm tổn hại hữu tình. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của giận dữ, làm cho sự hiểu biết về không giận thêm lớn như trước đã nêu. Như kinh nói: gốc lành vô sân.

6. Vô si (không ngu tối): Thể là hiểu biết sáng tỏ chân chính. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm si, làm cho sự hiểu biết về không si thêm lớn như trước đã nêu. Như kinh nói: Gốc lành không si.

7. Tinh tấn (siêng năng): Thể là tâm hăng hái không biếng trễ, không tự coi mình là hèn kém. Nghiệp của nó là cắt đứt sự ngăn che của tâm lười biếng, làm cho sự hiểu biết tinh tấn thêm lớn, như trước đã nêu. Như kinh nói: Khởi lên siêng năng là đứng vững trên thế lực, trên cần cù, trên sức mạnh, trên sự cương quyết, không buông xả ách thiện.

8. Khinh an: Thể là tâm thư thái, buông xả sự nặng nhọc thô tháo của thân. Nghiệp nó là cắt đứt sự ngăn che của các thứ nặng nề, là làm

cho sự hiểu biết khinh an thêm lớn, như trước đã nêu. Như kinh nói: Thân có cảm giác vừa ý vui vẻ thì tâm được yên.

9. Không buông lung: Thể là gom râu chúng nơi vô tham, vô sân, vô si, tinh tấn, dựa vào đó nên có khả năng cắt đứt điều ác và pháp bất thiện. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của buông lung, có năng lực tu pháp lành đối trị pháp ác, làm cho sự hiểu biết không buông lung thêm lớn như trước đã nêu. Như kinh nói: Tất cả các pháp lành hiện có được phát sinh là nhờ ở gốc không buông lung.

10. Xả (buông xả): Thể là gom hết về với không tham, không si, tinh tấn. Nướng vào buông xả này nên tâm được bình đẳng, tâm được ngay thẳng, không tạo tác. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm khởi động tạo nghiệp làm cho sự hiểu biết về buông lìa thêm lớn như trước đã nêu. Từ chỗ không buông lung nên dứt trừ các pháp nhiễm ô. Từ chỗ buông xả kia nên yên trụ trong không cấu nhiễm khi xua tan cấu nhiễm. Như kinh nói: Tâm nướng vào xả nên đã xua tan được tham, lo.

11. Bất hại (không làm hại): Thể là lòng thương xót người, vật, do đó không làm tổn hại các hữu tình. Nghiệp là cắt đứt sự ngăn che của tâm hại, làm cho sự hiểu biết về không hại thêm lớn, như trước đã nêu. Như kinh nói: Do không hại, nên biết chúng thông minh, cho đến nói rộng.

Phiền não có sáu thứ là:

1. Tham: Thể là che giấu, giữ gìn gắn chặt vào năm uẩn yêu thích. Nghiệp là ngăn che tâm không tham, hoặc phát sinh cùng lúc với thân mạng sinh hoặc phân biệt khởi lên. Nghiệp là làm tư lương đầy đủ cho sự chướng ngại quả giác ngộ, là làm tổn hại mình và người, là nhằm đưa hành động vào đường ác, là làm tâm ham muốn thêm lớn. Như kinh nói: Các sự tham ái, đều bị ngăn che làm khuất phục do lòng tham này.

2. Sân: Thể là muốn khởi lên sự tổn hại đối với loài hữu tình. Nghiệp là ngăn che tâm không tức giận, hoặc sinh cùng lúc với thân mạng, hoặc là phân biệt mà khởi lên. Nghiệp là làm tăng thêm sự giận dữ, như trước đã nêu. Như kinh nói: Có các sự giận dữ của con người đều bị che lấp do lòng giận ấy.

3. Mạn: Thể là đề cao cử ỷ thị, cho kẻ khác là thấp kém, thua sút, chúng ta, hoặc câu sinh hoặc phân biệt khởi lên, lấy sự ngăn che tâm không kiêu mạn làm nghiệp, làm tăng thêm kiêu mạn, như trước đã nêu. Như kinh nói: Có ba thứ mạn là: Mạn cho mình hơn hết, mạn cho mình bằng với kẻ hơn và mạn cho kẻ khác kém mình.

4. Vô minh: Thể là không hiểu biết tới lẽ chân thật, hoặc là câu

sinh, hoặc phân biệt khởi lên. Nghiệp là ngăn che các sự hiểu biết chân chánh, làm tăng thêm vô minh, như trước đã nêu. Như kinh nói: Các thứ ngu si hiện có đều bị che lấp do vô minh ấy.

5. Kiến: Thể là năm thứ kiến:

- Một là Tát-ca-đa kiến (thân kiến): Là đối với thân năm uẩn này chấp cho là có ngã, ngã sở, gây cấu nhiễm cho tuệ làm thể, hoặc là câu sinh, hoặc phân biệt khởi lên. Nghiệp là ngăn che lý vô ngã, sự hiểu biết không điên đảo, là làm tăng thêm Tát-ca-đa kiến như trước đã nêu. Như kinh nói: Phải biết rõ Cũng thể là cắt đứt hẳn ba kiết: Thân kiến, giới cấm thủ, nghi.

- Hai là Biên chấp kiến: Là đối với thân năm uẩn chấp là đoạn, là thường. Thể là làm ô nhiễm trí tuệ, hoặc là câu sinh hay phân biệt khởi lên. Nghiệp là ngăn che lý vô thường, lý không điên đảo, làm tăng thêm kiến biên chấp. Như kinh nói: Này Ca-đa-diễn-na! Tất cả thế gian đều nương vào hai thứ, hoặc có, hoặc không.

- Ba là tà kiến: Là chê bai nhân quả, chê bai công dụng, phá hoại sự thật. Thể là làm trí tuệ bị ô nhiễm, chỉ do phân biệt mà khởi lên. Nghiệp là ngăn che chánh kiến, làm tăng thêm tà kiến, như trước đã nêu. Như kinh nói: Người có tà kiến thì những gì họ chấp giữ đều là điên đảo, cho đến nói rộng.

- Bốn là kiến thủ: Là đối với ba kiến tà trước cũng như đối với thân năm uẩn này thì kiến thủ cho là tối thượng, là bậc nhất. Thể là làm tuệ bị cấu nhiễm, chỉ có phân biệt khởi lên. Nghiệp là ngăn che sự hiểu biết về khổ, về bất tịnh, về không điên đảo, làm tăng thêm kiến thủ, như ở tâm sở trước đã nêu. Như kinh nói: Đối với những gì mình hiểu biết thì chấp giữ thật chặt, cho đến nói rộng.

- Năm là giới cấm thủ: Là đối với các kiến ở trước và các uẩn nương, thì kiến này cho là thanh tịnh, giải thoát. Làm trí tuệ bị ô nhiễm là Thể, chỉ khởi lên do phân biệt. Nghiệp là ngăn che sự hiểu biết, về không điên đảo, là làm tăng thêm giới cấm thủ như tâm sở trước đã nêu. Như kinh nói: Kiết thủ bị ràng buộc do giới cấm thủ giới này.

6. Nghi: Thể là không quyết định, là do dự đối với chân đế, chỉ có phân biệt khởi. Nghiệp là ngăn che tâm không nghi, làm tăng thêm nghi ngờ, như tâm sở trước đã nêu. Như kinh nói: Do dự là nghi.

Tùy phiền não có hai mươi thứ là:

1. Phần: Thể là khiến tâm giận phừng lên khi gặp cảnh trái với sự yêu thích. Nghiệp làm tăng thêm phần uất.

2. Hận: Thể là kết oán, không buông xả đối với cảnh trái ý ở quá

khứ. Nghiệp là ngăn che tâm không giận, làm tăng thêm hận thù.

3. Phú: Thể là bí mật giữ kín điều ác đã làm, dù có ai khuyên ngăn hay không đối với những sai phạm ấy. Nghiệp là ngăn che sự phát lộ sám hối, làm tăng thêm sự che giấu, như trước đã nói.

4. Nã: Đối với lỗi đã phạm có ai khuyên can thì liền nói lời thô bỉ, tâm hừng hực không nhận chịu làm thế. Nghiệp là ngăn che bạn lành, làm tăng thêm bậc bội.

5. Tật: Thể là ganh ghét không vui khi thấy tất cả công đức, danh dự, cung kính, lợi dưỡng người khác có. Nghiệp là ngăn che tâm từ, là tăng thêm tính ganh ghét.

6. San [keo kiệt]: Thể là chất chứa bủn xỉn, nghiệp là ngăn che tâm không tham, làm tăng thêm tính bủn xỉn.

7. Cuống: Thể là lòng gian trá, bày chuyện không thật để làm lung lạc, gạt gẫm kẻ khác. Nghiệp là ngăn che tâm ái kính, làm tăng thêm việc dối gạt.

8. Siểm: Thể là tâm cong vạy, lừa gạt kẻ khác, tạo sự giả dối làm họ cung kính nghe theo. Nghiệp là ngăn che tâm ái kính, cho đến làm tăng thêm tính đua nịnh. Như kinh nói: Giận hận che giấu, nã hại, ganh ghét, keo kiệt, lường gạt, đua nịnh.

9. Kiêu: Thể là không kiêng nể, tâm ý lại tự cao đối với sự nghiệp phát triển ở thế gian. Nghiệp làm ngăn che tâm chán lìa, làm tăng thêm tính kiêu ngạo. Như kinh nói: Kẻ ngu không được nghe điều chân chánh, trẻ tuổi không bệnh, sống lâu chỉ là tạm mà rộng tâm kiêu hãnh buông lung cho đến nói rộng.

10. Hại: Thể là không có tâm thương xót nên áp bức làm khổ não hữu tình. Nghiệp là ngăn che tâm không tổn hại, làm tăng thêm tâm gây hại. Như kinh nói: Ai có tâm hại thì gây tổn hại khổ não cho người.

11. Vô tầm (không hổ): Là làm lấy lưng mình và pháp, thể là không biết hổ thẹn việc ác đã làm. Nghiệp là ngăn che tâm hổ thẹn, cho đến làm tăng thêm tính không hổ thẹn. Như kinh nói: Không hổ thẹn điều đáng hổ thẹn. Không hổ thẹn nên điều ác và pháp bất thiện sinh, cho đến nói rộng.

12. Vô quý (không Thẹn): Thể nó là không thẹn đối với điều ác đã làm hay những gì cao đẹp ở đời. Nghiệp là ngăn che tính biết xấu hổ, cho đến làm tăng thêm tính không hổ thẹn. Như kinh nói: Không thẹn điều đáng thẹn, do không thẹn nên điều ác, pháp bất thiện sinh khởi, cho đến nói rộng.

13. Hôn trầm: Thể là tâm chìm nặng nên từ thân nặng nề, cam

chịu không tiến lên cho đó là vui. Nghiệp là ngăn che tỳ-bát-xá-na cho đến làm tăng thêm hôn trầm. Như kinh nói: Thân ý người này sinh ra sự hôn trầm.

14. Trạo cử: Là đi tìm các pháp bất chánh, hoặc nhớ lại những vui chơi thỏa thích cũ. Thể là tâm không lắng yên. Nghiệp là chướng ngại pháp tu xa-ma-tha, cho đến làm tăng thêm tính bồn chồn, lảng xãng. Như kinh nói: Ông bị dao động lắc lư, cũng lại là cao hứng, cho đến nói rộng.

15. Bất tín: Thể là tâm không có tâm tin thanh tịnh đối với người có giới, có đức, có tài năng. Nghiệp là ngăn che tâm tin, cho đến làm tăng thêm tâm không tin. Như kinh nói: Nếu ai không an trụ, không có tâm tin trong sạch thì rốt ráo không có gì cả, tất cả pháp lành đều bị mất hết, cho đến nói rộng.

16. Biếng nhác: Ham mê ngủ nghỉ, ưa thích nằm, dựa, sợ sự thúc đẩy tiến lên, tự xem thường mình, nên thể là tâm không chịu cố gắng. Nghiệp là ngăn cản sự siêng năng, cho đến làm tăng thêm tính biếng nhác. Như kinh nói: Nếu ai biếng nhác thì chắc chắn thoái tâm chánh căn, cho đến nói rộng.

17. Buông lung: Thể là chung cho các tâm sở tham sân si, biếng nhác, tựa nương vào đó nên tâm không ngăn chế việc ác, pháp bất thiện, không tu tập pháp khác để đối trị nó. Nghiệp là ngăn cản tính không buông lung, cho đến làm tăng thêm tính buông lung. Như kinh nói: Người sống buông lung là để dấu vết của sự chết ngay trong khi sống, cho đến nói rộng.

18. Thất niệm: Thể là không nhớ những việc đã làm từ lâu, những gì đã nói, những gì đã suy nghĩ, pháp hay nghĩa nhiệm ô. Nghiệp là quên mất, cho đến làm tăng thêm tính quên mất. Như kinh nói: Người quên mất thì không còn làm được chuyện gì, cho đến nói rộng.

19. Tâm loạn: Đối với việc tu hành, tâm không vui thú, chỉ nương vào loạn động, nên thể là rong ruổi theo duyên phân tán bên ngoài. Nghiệp là ngăn cản định, cho đến làm tăng thêm tâm loạn. Như kinh nói: Nếu đối với năm dục, mà tâm tán loạn thì trôi lăn trong sinh tử, cho đến nói rộng.

20. Bất chánh tri (không hiểu biết chân chánh): Hành động của thân miệng ý là không chánh đáng. Thể là sống với tuệ nhiệm ô. Nghiệp là cản ngăn sự hiểu biết đúng, cho đến làm tăng thêm sự không hiểu biết đúng đắn. Như kinh nói: Kẻ quên mất thì sống với không hiểu biết, cho đến nói rộng.

Tâm sở Bất định có bốn thứ:

1. Ác tác: Thể là nhớ lại, muốn thay đổi đối với việc đã làm chưa làm, lành hay không lành, việc nhiễm hay bất nhiễm mà buồn buồn. Nghiệp là chướng ngại pháp tu chỉ, cho đến làm tăng thêm ăn năn. Như kinh nói: Nếu cứ ác tác hối tiếc thì tâm không yên ổn, cho đến nói rộng.

2. Ngủ nghĩ: Thể là không được tự tại với những chuyển biến của tất cả những gì trong tâm. Nghiệp là ngăn cản pháp tu quán, cho đến làm tăng thêm việc ngủ nghĩ. Như kinh nói: Người ham mê vị ngon của ngủ nghĩ như cá lớn nuốt thức ăn.

3. Tầm: Thể là khiến tâm xao động mạnh có lúc đối với pháp suy tư tìm kiếm, tạo tác, hay có lúc lấy tuệ suy luận đối với pháp, tìm kiếm rong ruổi theo cảnh bên ngoài. Nghiệp là ngăn cản tâm tịnh bên trong, cho đến làm tăng thêm tính tìm kiếm.

4. Tứ: Phát sinh từ hạt giống thức A-lại-da, nương vào tâm sở mà khởi lên, biến chuyển tương ứng với tâm. Đối với pháp đang xét tìm thì xét tìm qua cảnh bên ngoài, khiến tâm chuyển biến nhỏ nhiệm làm thể. Còn lại, như đã nói ở tâm sở tầm, cho đến làm tăng thêm tính rình xét làm nghiệp. Do tâm sở này đồng duyên vào một cảnh với tâm, nên nói là hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Như Đức Bạc-già-phạm nói: Nếu sự rình xét nơi nào thì nơi ấy sáng tỏ. Nếu nơi nào sáng tỏ thì ở đó có sự rình xét. Cho nên hai tâm sở này mãi hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Không thể lập ra sự chia rẽ hai pháp này, làm cho chúng khác nhau được.

Lại nói như vậy: Hành vi của tâm và tâm pháp thật không thể nghĩ bàn. Dẫn chứng có hai A-cấp-ma này như Đức Bạc-già-phạm nói: Từ chỗ tầm tứ nên phát khởi lời nói, chứ chẳng phải không có tầm tứ.

Trong các tâm pháp, lược bớt không nói những tâm pháp nào tương ứng với tâm sở nào, nói rộng nên biết. Như các thức và tâm pháp không thể nghĩ bàn. Ấy là vì các tâm pháp này lần lượt cùng đối nhau, nên biết cũng vậy.

Sắc có mười lăm thứ là: Đất, nước, gió, lửa, Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thập, Thân, Sắc, Thanh, Hương, Vị, một phần Xúc và Pháp xứ thuộc về sắc.

Đất có hai thứ là nội và ngoại.

Nội là năm căn như nhãn căn, v.v... trong thân, mỗi cơ quan đều khác nhau, các nơi căn nương thì vị trí khác nhau. Sự cứng chắc khâu nhiếp trong nó tính chất giữ vững và chịu đựng. Lại có chứa nhóm tăng thượng. Cái gọi gọi là tóc, lông, răng, móng, chất bụi nhớ, da, thịt, gân,

cốt, mạch, là bất tịnh cả, đều là đất bên trong của từng phần ở cơ thể này, nghiệp của đất ấy là thọ dụng.

- Ngoài là sắc... bên ngoài của mỗi thân thể riêng và là nơi nằm cảnh nương.

Sự cứng chắc thân nhiếp trong nó, không phải chỉ có tính giữ vững, chịu đựng mà còn chứa nhóm tăng thượng nữa. Đó là các vật thể như gạch, đá, gỗ, núi, rừng cây, gạch nung, v.v... gặp nước lũ lụt thì những thứ ấy đều hư hoại. Đó là phần hình thể của đất bên ngoài. Thọ dụng làm nghiệp, dựa vào thọ dụng đó làm nghiệp, phá hoại thọ dụng đó làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Nước cũng có hai thứ là trong và ngoài.

- Nước bên trong là nằm căn như nhãn căn, v.v... trong thân, mỗi cơ quan đều khác nhau, các nơi căn nương thì vị trí khác nhau. Sự ẩm ướt thân nhiếp nơi tính chất chấp thọ, lại có tính chứa nhóm tăng thượng. Các thứ như nước mũi, nước mắt, mồ hôi, tủy, mỡ đờm dãi đều là những thứ bất tịnh, đó là nước bên trong cơ thể. Nghiệp là thêm ướt, nhóm họp thọ dụng.

- Nước bên ngoài là mỗi thân thể khác nhau và là nơi nằm cảnh sắc nương. Sự ẩm ướt thân nhiếp trong nó, không phải chỉ có tính giữ vững, chịu đựng mà còn thêm tính chất nhóm họp tăng thượng. Đó là các thứ nước suối, nước nguồn, nước khe, nước ao, nước sông biển bao la, gặp cơn lửa dậy thì chúng đều khô cạn. Đó là thể của nước bên ngoài. Thọ dụng làm nghiệp, biến hoại thọ dụng làm nghiệp, đối trị nuôi dưỡng làm nghiệp.

Lửa cũng có hai thứ là trong và ngoài.

- Lửa trong là nằm căn như nhãn căn, v.v... trong thân, mỗi cơ quan đều khác nhau, các nơi căn nương thì vị trí khác nhau. Sự nóng ẩm thân nhiếp tính chất chấp thọ, lại có tính chứa nhóm tăng thượng. Đó là những thứ làm cho hữu tình khắp nơi đều cảm thấy ấm áp hay nóng bức. Lại còn có năng lực tiêu hóa tất cả thức ăn uống. Những thứ vừa nói ấy đều là lửa trong cơ thể. Nghiệp là thành thực, hòa hợp, thọ dụng.

- Lửa bên ngoài là mỗi thân riêng biệt và là nơi nằm cảnh như sắc, v.v... nương. Sự ấm nóng thân nhiếp trong nó, không phải chỉ có tính giữ vững, chịu đựng, mà còn thêm tính chất chứa nhóm tăng thượng. Đó là các thứ lửa. Đó là lửa bốc cháy từ nông thôn đến thành thị, tới bãi sông bờ nước, kể cả những nơi xa thẳm, cho đến khi hết chỗ nương thì nó sẽ tắt. Hoặc có thứ lửa lấy được từ khoan gỗ, đập đá. Thứ lửa này vừa hiện là tắt. Đó là thể của lửa bên ngoài. Nghiệp là biến hoại thọ dụng, là đối

trị nuôi dưỡng.

- Gió cũng có hai: là trong và ngoài.

- Gió trong là nằm căn như nhãn căn, v.v... trong thân, mỗi cơ quan đều khác nhau, nơi căn nương thì vị trí khác nhau. Sự động nhẹ thân nhiếp có tính chất chấp thọ, lại có tính chứa nhóm tăng thượng. Đó là hơi thở ra vào lên xuống ngang dọc. Các động lực ấy là thể của gió bên trong. Nghiệp là phát động làm việc, thọ dụng.

- Gió bên ngoài là mỗi thân riêng khác và là nơi nằm cảnh như sắc, v.v... nương. Sự động nhẹ thân nhiếp trong nó, chẳng phải chỉ có tính chất giữ vững, chịu đựng mà còn thêm tính chất chứa nhóm tăng thượng. Đó là các thứ gió xô ngã núi non, đánh bật cây rừng nằm thành lớp. Nó phá hoại tất cả, không còn sức cản nào nên vắng lặng. Nếu tìm gió thì áo lay quạt phát là có. Không có lay động thì không có duyên nên gió tắt. Những động lực ấy là thể của gió ngoài. Nghiệp là nương giữ thọ dụng, là biến hoại thọ dụng, là đối trị nuôi dưỡng thọ dụng.

- Mắt là tất cả hạt giống thức A-lại-da nắm giữ. Bốn đại đã tạo ra sắc là cảnh giới. Là chỗ thức nương, duyên vào. Thể là tịnh sắc căn. Sắc uẩn thân nhiếp là tính chất không thấy mà có đối. Từ nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đều như vậy. Trong đó, có khác nhau. Nghĩa là mỗi thứ hiện hành từ đối tượng chỗ duyên theo cảnh ấy là chỗ thức nương tựa.

Sắc là sở duyên hoạt động của mắt. Đối tượng của nhãn thức là sắc do bốn đại mà thành. Thể của sắc là hiển sắc, hoặc hình sắc, hoặc biểu sắc. Những thứ sắc uẩn thân nhiếp thì có thấy có đối. Sắc này lại có ba thứ là diệu, không diệu và hai thứ trái nhau. Sắc ấy ra sao? Đó là xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... là hiển sắc. Còn dài ngắn vuông tròn thô tế cao thấp, ngay, không ngay, khối, mây, bụi, sương mù, bóng ánh sáng, sáng tối, hoặc phần hiển sắc của hư không hoặc ảnh tượng hư không cũng là sắc. Tất cả các thứ trên đều là sắc.

- Thanh: Là sở duyên của hoạt động của tai, nhĩ thức là âm thanh do bốn đại tạo thành, có thể nghe làm thể. Những thứ sắc uẩn thân nhiếp thì không thấy, có đối. Âm thanh này cũng có ba thứ là: Vừa ý, không vừa ý, và hai thứ trái nhau. Tiếng hoặc là vỗ tay, hoặc tiếng khảy đàn, đánh trống, hoặc giao tiếp xã hội, hoặc mưu sinh, hoặc giảng Phật pháp phát khởi lời nói, hoặc tiếng vang từ núi cao, hang sâu. Như vậy, tiếng hoặc chính nơi tự tướng, hoặc do phân biệt hay âm vang đều gọi là âm thanh cả.

- Hương là cảnh hoạt động của mũi. Sở duyên của tỷ thức là hương do bốn đại mà thành, có thể ngửi mùi của vật làm thể. Những thứ sắc

uẩn thâm nhiếp thì có tính chất không thấy, có đối. Mùi (hương) này, lại có ba thứ là: Mùi thơm, mùi hôi, và hai thứ mùi trái nhau. Mùi thơm ấy ra sao? Đó là mùi thơm bay ra từ thân cây, từ cọng, từ vỏ, lá hoa quả, mùi xông lên từ khói hay dạng bột với nhiều loại, hoặc cùng sinh khởi, hoặc là hòa hợp, hoặc đối khác, đều gọi là hương.

- Vị là đối tượng hoạt động của lưỡi, chỗ duyên của thật thức là vị do bốn đại sinh ra. Thế là có thể nếm vị của vật. Những thứ sắc uẩn thâm nhiếp thì có tính chất không thấy, có đối. Vị ấy cũng có ba thứ là ngọt, không ngọt, và hai vị trái nhau. Vị ấy ra sao? Đó là vị dầu tươi, đường cát, mật ong, trái cây chín, hoặc vốn có, hoặc do hòa hợp, hoặc do đối khác, đều gọi là vị cả.

- Một phần Xúc là đối tượng hoạt động của thân sở duyên của thân thức là xúc do bốn đại sinh ra. Thế là có thể xúc chạm sự vật. Những thứ sắc uẩn thâm nhiếp thì tính chất không thấy, có đối. Xúc ấy có ba thứ là: đẹp, không đẹp và cả hai xúc trái nhau. Xúc ấy ra sao? Đó là những tiếp xúc nhám, trơn, nhẹ, nặng, nhanh chậm, ấm lạnh, đối khát, no nê, phiền muộn, mạnh, yếu, ghê, bình, già, chết, mệt mỏi, nghỉ ngơi, hăng say hoặc duyên vào ánh sáng, bóng hoặc không phải ánh sáng, bóng, hoặc duyên vào vật thể cứng, hay không cứng, hoặc duyên vào vật phải cầm giữ, hoặc duyên vào vật thể gồm nhiều thứ, hoặc duyên vào cảnh ngang trái hay thuận hợp, hoặc cùng sinh, hay do hòa hợp, hay do đối khác, đều gọi là một phần Xúc.

- Pháp xứ thuộc về sắc là đối tượng hoạt động của ý trong bất cứ lúc nào. Những thứ sắc uẩn thâm nhiếp thì không thấy, không đối. Sắc này có ba thứ là: sắc luật nghi, sắc không phải luật nghi, và sắc ở cảnh thuộc sở hành của Tam-ma-địa.

- Sắc luật nghi là gì? Là sắc ngăn giữ nghiệp của thân và miệng. Sắc này giúp tăng thêm khả năng tạo tác của pháp tâm, tâm sở. Nướng vào các pháp không hiện hành của sắc này để lập ra tính sắc.

- Sắc không phải luật nghi là gì? Là sắc không ngăn giữ nghiệp của thân và miệng. Sắc này giúp tăng thêm khả năng tạo tác của pháp tâm, tâm sở. Nướng vào các pháp hiện hành của sắc này để lập ra tính của sắc.

- Sắc ở cảnh thuộc đối tượng hành của Tam-ma-địa là gì? Là do Tam-ma-địa hạ, trung, thượng đều vận chuyển tương ứng với tâm, tâm pháp, phát khởi sở duyên của sắc là ảnh tượng ở thể tính sắc, là sự tạo tác của sắc để thành tựu tánh sắc, nên gọi là pháp xứ.

- Những thứ thuộc về sắc, tâm bất tương ứng hành là các hành

và tâm không tương ứng. Đứng trên phần vị của tâm, tâm pháp và sắc pháp, giả nêu đặt tánh không thể nêu đặt cùng với các pháp của tâm là một hay khác.

- Có hai mươi bốn thứ không tương ứng là: Đắc, định Vô tướng, định Diệt tận, trời Vô tướng, mạng căn, chúng đồng phần, sinh, già, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tính, trôi lăn, định dị, tương ứng, thứ đệ, thế tức, thời, phương, số, hòa hợp, bất hòa hợp. Còn lại, còn có chủng loại khác nhau, cũng như vậy, nên biết.

- Đắc gồm ba thứ:

Một là những tính chất khác nhau nối tiếp thuộc về hạt giống của các hành.

Hai là những tính chất khác nhau nối tiếp tự tại sinh khởi. Ba là những tính chất khác nhau nối tiếp tự tướng sinh khởi.

- Định Vô tướng: Là định đã xa lìa dục của Biến tịnh, nhưng chưa lìa khỏi dục của các cõi trên. Quán tưởng thân ta như đang bịnh ung nhọt, như mũi tên. Chỉ có cõi trời Vô tướng mới thực là cảnh giới vắng lặng mẫu nhiệm. Vì trời Vô tướng phát sinh ý tưởng xuất ly, với tác ý là phương tiện trước không thường hiện hành nên tánh của tâm, tâm pháp vắng lặng.

- Định Diệt tận: Là đã lìa khỏi dục của Vô sở hữu xứ, hoặc nhập định Phi tướng Phi phi tướng xứ, hay còn tiến lên nữa hoặc nhập định Vô tướng, hay tiến lên thêm nữa, tạm thời ngưng tư tưởng, tác ý tìm phương tiện trước là ngưng dứt sở duyên. Không thường hiện hành các hoạt động của tâm, tâm pháp, và chỉ hiện hành một phần tính chất vắng lặng của tâm, tâm pháp.

- Trời Vô tướng: Là trước khi tới cõi này, đã được định Vô tướng. Do đó, về sau sinh lên trời Vô tướng hữu tình. Tâm, tâm pháp không còn hiện hành mà là vắng lặng.

- Mạng căn: Là do nghiệp trước dẫn dắt dị thực cư trụ trong sáu xứ khi tánh quyết định.

- Chúng đồng phần: Là tất cả hữu tình đều có tính chất giống nhau.

- Dị sinh tính: Dị sinh có hai thứ là: Một là dị sinh tính của kẻ ngu, hai là dị sinh tính không hiểu biết.

- Dị sinh tính của kẻ ngu là: Tính chất ngu muội đã có sẵn trong thân mỗi loài hữu tình từ vô thủy đến nay.

- Dị sinh tính không hiểu biết là: Các tính chất tà đạo ngoài giáo pháp của Như lai.

- Sinh: Là tánh phát khởi tự tướng của các hành.
 - Già : Là tánh đối khác của các hành trước sau.
 - Trụ: Khi các hành sinh ra đã mang sẵn tính nối nhau không dứt.
 - Vô thường: Là tính hoại diệt sau khi tự tướng của các hành sinh r
- a.
- Danh thân: Giải thích tự thể pháp của các hành, với tánh giả lập danh hiệu, tư tưởng.
 - Cú thân: Là tập hợp các danh từ câu, hiển rõ nghĩa nhiệm, tịnh, là chỗ nương của lời nói.
 - Văn thân: Là chỗ nương về chữ nghĩa của hai thứ trước.
 - Trôi lăn: Là tánh của nhân quả trong các hành thường nối tiếp nhau, không dứt.
 - Định dị: Là nhân quả trong các hành có tính chất khác nhau.
 - Tương ứng: Là nhân quả trong các hành đều có tính tương ứng n
- hau.
- Thế tốc: Là các hành có tính chất trôi lăn mau chóng.
 - Thứ đệ: Mỗi mỗi hành mang tính chất trôi lăn theo thứ lớp.
 - Thời: Các hành mang tính chất lần lượt vừa mới sinh liền diệt.
 - Phương: Các sắc, các hành đều có tính chung khắp và sai khác.
 - Số: Các hành đều có tính chất trôi lăn với thể tướng khác nhau nhưng đềutiếp nối mãi.
 - Hòa hợp: Các hành đều có tính chất duyên hợp.
 - Bất hòa hợp: Là tánh duyên trái với các hành.
 - Vô vi: Pháp này gồm có tám thứ là: Hư không, Phi trạch diệt, Trạch diệt Bất động, Tưởng thọ diệt, Chân như pháp thiện, Chân như pháp bất thiện và Chân như pháp vô ký.
 - Hư không vô vi: Là thể tánh của cảnh giới đối trị sắc bên ngoài là chỗ duyên của các tâm, tâm pháp.
 - Phi trạch diệt vô vi: Là nhân duyên không hội ngộ, qua đó, các hành tuy bất sinh diệt, nhưng chẳng phải là lìa bỏ tính chất ràng buộc.
 - Trạch diệt vô vi: Phương tiện từ tuệ hữu lậu nên các hành rốt ráo không còn sinh diệt, lìa xa tính chất ràng buộc.
 - Bất động vô vi: Buông bỏ dục Biến tịnh, chứng được tính lự thứ tư, trong ấy đã lìa khỏi tánh trói buộc của khổ, vui.
 - Tưởng thọ diệt vô vi: Ra khỏi dục của Vô sở hữu xứ, nhập định Diệt tận, trong đó tâm, tâm pháp không còn hiện hành và thường hiện hành một phần tâm, tâm pháp vắng lặng, rời khỏi tánh trói buộc.
 - Pháp chân như của thiện, bất thiện, vô ký: Tức tánh của cảnh

giới thanh tịnh đối với pháp thiện, bất thiện, vô ký. Lại nữa, trong năm pháp Cũng thế lại có ba tướng nên biết: Một là tướng tăng trưởng, hai là tướng nơi đối tượng khởi của sự tăng trưởng, ba là tướng pháp tánh.

- Tướng tăng trưởng: Là tự tánh của biến kế sở chấp trong các pháp.

- Tướng ở đối tượng khởi của sự tăng trưởng: Là tự tánh của y tha khởi thích ứng với tướng tăng trưởng trong các pháp.

- Tướng pháp tánh: Là tự tính của viên thành thật trong các pháp. Như vậy là đã nói xong tất cả cảnh giới, nay sẽ nói kệ:

Cõi là Dục, Sắc thấy

Cùng với cõi Tam thiên.

Luận chép: Giới có hai thứ: Một là ba cõi như cõi Dục..., Hai là thế giới Tam thiên.

Ba cõi như cõi Dục, v.v... Một: Cõi Dục là cõi có nhiều thứ xe lăn, chưa lìa khỏi dục, phiền não của các uẩn đều sai khác. Hai: Cõi Sắc là cõi đã lìa dục lìa các thứ xe lăn, lìa các phiền não trong các uẩn sai khác. Ba: Cõi Vô sắc là cõi đã lìa khỏi các thứ xe lăn, các thứ phiền não nơi các uẩn sai khác của cõi Dục, cõi Sắc.

- Trong ba cõi lại có năm thứ khác nhau là:

1. Tướng khác nhau.
2. Thô, nặng khác nhau.
3. Phương xứ khác nhau.
4. Thọ dụng khác nhau.
5. Nhậm trì khác nhau.

- Tướng khác nhau: Các sắc trong cõi Dục, có nhiều thứ tướng, không tươi đẹp, vô số tướng xen lẫn.

Sắc trong cõi Sắc, có ít thứ tướng, tướng, tươi đẹp, không có các tướng xe lăn. Trong cõi Vô sắc dù không có nghiệp, không có sắc được sinh, nhưng vẫn có sắc do định sinh là không thấy, không đối.

Lại nữa, trong cõi Dục có tướng khổ, thọ tương ứng, tướng giận dữ tương ứng. Tướng thường tương ứng theo phiền não. Trong cõi Sắc, cõi Vô sắc có tướng khổ thọ không tương ứng, tướng giận dữ không tương ứng, chỉ tương ứng với một ít tùy phiền não.

- Thô nặng khác nhau: Là tướng thô nặng trong cõi Dục là thô và làm tổn hại, còn tướng thô nặng ở cõi Sắc, cõi Vô sắc thì nhỏ nhiệm và không làm tổn hại.

- Phương xứ khác nhau: Là cõi Dục ở phương dưới, cõi Sắc thì ở phương trên, cõi Vô sắc thì không có phương xứ.

- Thọ dụng khác nhau: Là thọ dụng của cõi Dục là cảnh giới của môn ngoài. Còn thọ dụng của cõi Sắc, cõi Vô sắc là cảnh giới của môn trong.

- Nhậm trì khác nhau là người ở cõi Dục, các uẩn còn dựa vào bốn cách ăn để sống, còn ở cõi Sắc, cõi Vô sắc thì các uẩn phải dựa vào ba cách ăn để sống.

- Thế giới tam thiên: Một: là Tiểu thiên thế giới. Hai: là Trung thiên thế giới. Ba: là Đại thiên thế giới.

- Gọi là một thế giới là vì có một mặt trời, một mặt trăng chiếu soi. Cũng thế, trong ngàn thế giới có ngàn mặt trời, ngàn mặt trăng, ngàn núi chúa Tô-mê-lô, ngàn châu Thiệm-bộ, ngàn châu Tỳ-đề-ha, ngàn châu Cù-đà-ni, và ngàn châu Câu-lô, một ngàn trời Tứ đại vương chúng, một ngàn trời Tam Thập Tam, một ngàn trời Dạ-ma, một ngàn trời Đổ-sử-đa, một ngàn trời Lạc Biến Hóa, một ngàn trời Tha hóa tự tại và một ngàn trời Phạm thế, cộng chung là một Tiểu thiên thế giới.

Một ngàn tiểu thiên thế giới như vậy là Trung thiên thế giới, một ngàn Trung thiên thế giới, là Đại thiên thế giới.

Hỏi: Vì sao Tiểu thiên thế giới được gọi là thấp nhỏ?

Đáp: Như bò đực bị cửa hai sừng, vì thiếu giảo nên gọi là thấp nhỏ. Cũng vậy, từ trời Phạm Thế trở xuống, trong đó đã có một ngàn thế giới không giống như địa cầu này, nên gọi là thấp nhỏ.

Thế giới Tam thiên ấy đã bị ba tai họa phá hủy, là nạn nước, lửa, gió. Tai họa ấy lại có ba thứ: Ba đỉnh của tai họa là các cõi tĩn lự hai, ba, bốn. Chư thiên của cõi tĩn lự thứ tư theo pháp là cùng ở trong cung cùng sinh cùng diệt. Lại còn có ba trung kiếp khởi là kiếp đói khát, kiếp binh dịch, kiếp đao binh. Hai mươi trung kiếp thế gian là đang trong thời kỳ chính thức bị tan hoại. Sau khi hai mươi trung kiếp tan hoại, thì đến kiếp Trụ, là hai mươi trung kiếp thế gian được thành lập. Hai mươi trung kiếp đã thành lập là kiếp Trụ. Như vậy, cộng chung có tám mươi trung kiếp, gọi là đại kiếp. Ví như mưa lớn rơi từng giọt bằng trục xe, từ trời cứ rơi mãi không dứt. Như vậy, vô biên thế giới về phương Đông không xen hở hoặc thành hay hoại, hoặc chính thức tan hoại, hoặc hoại rồi đến trụ, hoặc chính thức thành lập, lập xong là trụ. Cứ như vậy, cho đến thế giới mười phương như đã nêu.

Về thế giới tạp nhiễm, nói tiếp bằng kệ:

Tính phiền não nghiệp sinh,

Tướng tạp nhiễm, nên biết.

Luận chép: Tánh tạp nhiễm có ba thứ: Một: là phiền não tạp

nhiễm. Hai: là nghiệp tạp nhiễm. Ba: là sinh tạp nhiễm.

1. *Phiền não tạp nhiễm*: Là tất cả phiền não và tùy phiền não, gọi chung là phiền não tạp nhiễm. Đại lược, phiền não có mười thứ: Một: là Tát-ca-da kiến. Hai: là Biên chấp kiến. Ba: là Tà kiến. Bốn: là Kiến thủ. Năm: là Giới cấm thủ. Sáu: là Tham. Bảy: là Sân. Tám: là Vô minh. Chín: là Mạn. Mười: là Nghi.

Hoặc chia làm hai thứ là: Một là phiền não do Kiến đạo dứt. Hai là phiền não do tu đạo dứt.

Hoặc chia làm ba thứ: Một: là Thuộc cõi Dục. Hai: là Thuộc cõi Sắc. Ba: là Thuộc cõi Vô sắc.

Hoặc chia làm bảy thứ hành điên đảo là: Một: là Tà giải hành. Hai: là Bất giải hành. Ba: là Phi giải phi bất giải hành. Bốn: là Chấp tà giải hành. Năm: là Bĩ nhân y xứ hành. Sáu: là Bĩ bố sinh hành. Bảy: là Nhậm vận khởi hành.

1. Tà giải hành: Là tát-ca-đa kiến, biên chấp kiến, tà kiến, tức đối với những gì mình biết thì sinh tâm cố chấp tà vạy.

2. Bất giải hành: Là vô minh, không hiểu biết.

3. Phi giải phi bất giải hành: là nghi ngờ.

4. Chấp tà giải hành: Là kiến thủ, giới cấm thủ và các kiến chấp làm chỗ sanh khởi cho tham.

5. Bĩ nhân y xứ hành: Là các phiền não được dứt trừ do thấy khổ đế, tập đế.

6. Bĩ bố sinh hạnh: Là các phiền não được dứt trừ do thấy diệt đế và đạo đế.

7. Nhậm vận khởi hạnh: Là các thứ phiền não do kiến đạo và Tu đạo dứt. Kiến đạo dứt trừ gồm một trăm mười hai thứ phiền não. Tu đạo dứt trừ gồm có mười sáu thứ phiền não. Cả hai thứ cộng chung có: Một trăm hai mươi tám phiền não. Vì chúng có vô số thứ khác nhau Cũng thế, nên lập ra vô số tên khác nhau. Những tên gọi như: Kiết phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bặc lưu, ách, thủ, lệ thuộc cái gốc cây trơ trụi cấu nhiễm v.v... như lửa cháy, như giết hại, như mũi tên bắn, gây ra vô số hành vi ác độc hữu lậu, chứa đầy nóng bức, gây ra tranh chấp, như lửa hừng đốt cháy cả rừng dày, gây ra biết bao trở ngại. Có các tên gọi, ý nghĩa sai khác Cũng thế.

2. *Nghiệp tạp nhiễm*: Là do phiền não sinh ra hoặc do phiền não làm duyên giúp đỡ cho pháp lành sinh ra. Chúng đã thích ứng với ba cõi về nghiệp của thân, ngữ, ý. Ba nghiệp này lại có hai thứ: Một: là tư (quán xét); hai: là Chỗ khởi của tư. Ba nghiệp này lại có nhiều thứ khác

nhau, thế nên nếu thuộc về cõi Dục thì gọi là phước, chẳng phải phước. Nếu thuộc về cõi Sắc, cõi Vô sắc thì gọi là bất động.

Còn có Dẫn nghiệp là năng lực tạo tác và tăng trưởng, dẫn dắt các loài hữu tình ở thế gian này và khi thế gian đến quả và dị thực. Lại có sinh nghiệp, là nghiệp lực từ đời trước dẫn dắt, giúp đỡ khiến sinh ra.

3. *Sinh tạp nhiễm*: Là do phiền não và nghiệp sinh ra các nơi sinh mới có khổ, khổ lại có nhiều thứ, như khổ đã ép ngặt từ bào thai, khổ về bệnh, chết, khổ vì oán ghét mà phải gặp mặt, khổ vì yêu mến phải chia lìa, khổ vì mong cầu không thành, khổ vì thân xác thô nặng cùng với sự sinh trưởng, khổ vì chết đi sống lại. Khổ vì sinh ra nạn, đó gọi là tạp nhiễm.

